

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2026/HNGĐ-ST
Ngày 30-7-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khúc Thị Minh ,

Bà Tạ Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Nhật Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 331/2026/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 6 năm 2026 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2026/QĐXX-ST ngày 15 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1996;

Căn cước công dân số: 035196000434 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/5/2021.

Địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1993;

Căn cước công dân số: 031093001148 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 26/11/2021.

Địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị G trình bày: Chị tự nguyện kết hôn với anh Phạm Văn T vào ngày

26/10/2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng (nay là UBND xã K, thành phố Hải Phòng). Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc cho đến giữa năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và trở nên trầm trọng từ giữa năm 2025 do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không cùng nhau chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình, không còn quan tâm, tôn trọng nhau. Vợ chồng sống ly thân từ giữa năm 2025 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài; chị xin ly hôn anh Phạm Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con là Phạm Thiện A, sinh ngày 07/10/2016 và Phạm Thiện P, sinh ngày 07/5/2018, hiện do chị G nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con đến khi đủ 18 tuổi; trên cơ sở nguyện vọng của 2 con. Hiện nay chị có công việc và thu nhập ổn định, có nơi ăn ở đảm bảo, đủ điều kiện để nuôi các con tốt. Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con giữa chị và anh T thỏa thuận tự giao nhận với nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn T trình bày: Thống nhất với chị G về thời gian điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc và nguyên nhân mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân từ giữa năm 2025 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay anh xét thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn rất trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, anh đồng ý ly hôn chị Nguyễn Thị G. Tuy nhiên, do bận công việc nên anh không có mặt theo giấy triệu tập của tòa án; anh đề nghị được vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh theo quy định.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con là Phạm Thiện A, sinh ngày 07/10/2016 và Phạm Thiện P, sinh ngày 07/5/2018, hiện do chị G nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh đồng ý để chị G tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con đến khi đủ 18 tuổi; trên cơ sở nguyện vọng của 2 con. Hiện nay chị G có công việc và thu nhập ổn định, có nơi ăn ở đảm bảo, đủ điều kiện để nuôi các con tốt. Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con giữa anh và chị G sẽ thỏa thuận tự giao nhận với nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chủ tọa phiên tòa công bố đơn của các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt; công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị G xin ly hôn anh T và yêu cầu giải quyết về nuôi con. Anh T đang cư trú tại thôn Đ, xã K; căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Hải Phòng.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Chị G và anh T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đều đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh T xác lập quan hệ vợ chồng theo đúng quy định về điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng (nay là UBND xã K, thành phố Hải Phòng) ngày 26/10/2015. Quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh T được xác định là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc cho đến giữa năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và trở nên trầm trọng từ giữa năm 2025 do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không cùng nhau chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình, không còn quan tâm, tôn trọng nhau. Vợ chồng sống ly thân từ giữa năm 2025 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay anh chị đều xác định tởn cảm khụng cũn, đời sống chung khụng cũn tồn tại, mục đích hun nhõn khụng đạt được. Chị G và anh T đều có ý kiến trình bày bằng văn bản đồng ý ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; cần chấp nhận yêu cầu của chị G, cho chị G được ly hôn anh T là phù hợp.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Phạm Thiện A, sinh ngày 07/10/2016 và Phạm Thiện P, sinh ngày 07/5/2018, hiện đang do chị G nuôi dưỡng. Các đương sự đã có ý kiến thống nhất để chị G trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con đến khi đủ 18 tuổi. Mặt khác, nguyện vọng của cháu A, cháu P đều muốn được ở với chị G. Xét thấy hiện nay các con đang được chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định; chị G có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tốt. Trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt của các cháu, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; cần giao cháu Phạm Thiện A và Phạm Thiện P cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp. Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, hai bên đương sự đã có ý kiến tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án dân sự không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thiện A, sinh ngày 07/10/2016 và Phạm Thiện P, sinh ngày 07/5/2018 cho chị Nguyễn Thị G trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007965 ngày 29 tháng 6 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị G đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 34, 36, 72 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND khu vực 6 – Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- UBND xã Kiến Minh;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Ngà

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khúc Thị Minh

Tạ Thị Hương

Phạm Thị Ngà

